

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/DS-PT

Ngày 06 - 5 - 2019

V/v “Yêu cầu bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Thái Thị Phi Yên
- *Các Thẩm phán:* Bà Mai Vương Thảo
Ông Trần Hoài Sơn

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nguyễn Thị Thi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Võ Hồng Thắng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa phúc thẩm, xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 48/2018/TLPT-DS ngày 14 tháng 12 năm 2018 về việc “Yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2018/DSST ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2019/TLPT-DS ngày 28/01/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2019/QĐPT-DS ngày 27/2/2019; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 16/2019/QĐPT-DS ngày 18/3/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2019/QĐPT-DS ngày 18/4/2019 giữa:

- *Nguyên đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ du lịch N; Trụ sở: 96B1/20 đường T, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Văn T, Chức vụ: Giám Đốc (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phan Minh C, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1976; Nơi ĐKNKTT: Thôn H, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định; Địa chỉ: 569 Lô 14B2.2 đường N, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Bà Nguyễn Thị Thu N ủy quyền cho ông Phan Minh C tham gia tố tụng (theo Văn bản ủy quyền ngày 27/3/2019); ông C có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên D; Địa chỉ: 56 đường P, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Như N, chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ N; Địa chỉ: Lô 40B/17 khu A, quận S, thành phố Đà Nẵng; Người đại diện theo pháp luật: Bà Đặng Thị B, chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

3. Công ty cổ phần xây dựng Đ; Địa chỉ: 150 đường N, quận T, thành phố Đà Nẵng; Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn K, chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

Người làm chứng:

1. Ông Trần Công L; Địa chỉ: 217 đường L, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

2. Ông Võ Văn K; Địa chỉ: 151 đường P, quận C, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

Người kháng cáo:

Nguyên đơn - Công ty TNHH thương mại dịch vụ du lịch N.

Bị đơn: Ông Phan Minh C và bà Nguyễn Thị Thu N

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm như sau:

Ông Hồ Văn T – người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ du lịch N trình bày:

Ngày 17/4/2014 Công ty TNHH thương mại và dịch vụ N (gọi tắt là Công ty N) do bà Đặng Thị B làm đại diện theo pháp luật ký hợp đồng thuê quyền sử dụng đất đối với bà Lê Thị M thuê đất thửa đất số 14,15 B2.2 đường N để làm kinh doanh nhà hàng. Thời hạn hợp đồng là 05 năm, kể từ ngày 04/04/2011 đến ngày 04/4/2016.

Ngày 16/6/2014 bà M làm Giấy cam kết khi hợp đồng chấm dứt, bà cam kết cho Công ty T tiếp tục hợp đồng từ 03-05 năm. Ngày 17/6/2014, Công ty T ký hợp đồng sang nhượng mặt bằng và cơ sở kinh doanh với Công ty TNHH thương mại dịch vụ du lịch N tại lô đất 14, 15, 16 B2.2 đường N, thành phố Đà Nẵng (Lô 14,15 B2.2 là của bà M, lô 16 B2.2 là của ông Lê Cảnh D) thời hạn đến hết năm 2019. Bà M là người thu tiền thuê đất của Công ty N. Quá trình sử dụng, Công ty N làm đúng trách nhiệm trả tiền thuê đất đúng và đầy đủ cho đến nay. Tuy nhiên, trong quá trình kinh doanh đến tháng 06/2017 thì vợ chồng ông Phan Minh C, bà Nguyễn Thị Thu N đe dọa yêu cầu tháo dỡ, đập phá cơ sở kinh doanh nhà hàng nằm trên 03 lô đất trên, làm ảnh hưởng đến việc kinh doanh, gây thất thu.

Đến ngày 02/08/2017 ông C, bà N cho người và phương tiện đến sang bằng nhà hàng, kho hàng, tháo băng hiệu, cắt nguồn nước và yêu cầu Công ty không được hoạt động kinh doanh và đập phá hủy hoại tài sản của nhà hàng gồm: bàn ghế, tivi, tủ lạnh.... và trong quá trình thi công làm lún, nứt móng, nứt tường gây thiệt hại cho Khách sạn C nằm kế cận với công trình đang thi công của vợ chồng ông Cường, bà Nguyệt. Vì vậy, Công ty N yêu cầu Tòa án buộc ông C và bà N bồi thường gồm các khoản sau:

1. Phần yêu cầu bồi thường do khách sạn C bị hư hại:
 - Thiệt hại khách sạn đóng cửa, làm 12 phòng không đón khách giảm 50% trong nhiều tháng: $390.000\text{đ/phòng/đêm} \times 12 \text{ phòng} \times 150 \text{ ngày} = 702.000.000 \text{ đồng}$.
 - Bồi thường thiệt hại về sửa chữa lại khách sạn như tô tường, cân móng, sửa lại 12 phòng 12 phòng: 700.000.000 đồng.
2. Phần yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị hủy hoại đối với nhà hàng:
 - 01 gian nhà cấp 4 đã bị phá hủy có diện tích 125m^2 : $3.600.000\text{đ/m}^2 \times 125\text{m}^2 = 450.000.000 \text{ đồng}$.
 - Lương nhân viên các khoản $\times 2$ tháng = 212.000.000 đồng
 - Nhà hàng bị thất thu sau khi trừ đi các khoản chi phí: $300.000.000/\text{tháng} \times 6 \text{ tháng} = 1.800.000.000 \text{ đồng}$.
 - Tất cả các đồ đạc của nhà hàng bị mất và hư hỏng: Ly, tách, chén, bát, nồi, đĩa, muống, vá, bàn, ghế, quạt, khăn trải bàn, camera, máy tính để bàn là 120.000.000 đồng.
 - Bồi thường khoản tiền thuê lô đất 16B2.2 đường N, thành phố Đà Nẵng của ông Lê Cảnh H là 36.000.000 đồng.

Tổng số tiền Công ty N yêu cầu ông C và bà N phải bồi thường là 4.620.000.000 đồng (Bốn tỷ sáu trăm hai mươi triệu đồng).

Ngày 07 tháng 9 năm 2018 và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là ông Hồ Văn T xin rút một phần yêu cầu và thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau:

1. Phần yêu cầu bồi thường do khách sạn bị hư hỏng:
 - Rút yêu cầu bồi thường thiệt hại do khách sạn bị đóng cửa làm mất thu nhập 12 phòng không kinh doanh được với tổng số tiền là 702.000.000 đồng.
 - Thay đổi yêu cầu bồi thường thiệt hại về sửa chữa lại khách sạn như sau:
 - + Bồi thường thiệt hại về chi phí sửa chữa lại khách sạn như tô tường, cân móng và sửa chữa lại nội thất 12 phòng là 150.000.000 đồng.
 - + Bồi thường tổn thất do khách sạn dừng hoạt động kinh doanh để thi công sửa chữa phần hư hỏng như đã trình bày trên là 02 tháng, tương đương với số tiền mà Công ty đã thuê khách sạn của Công ty D để kinh doanh là $(1.054.373.436\text{đ}/12 \text{ tháng}) \times 2 \text{ tháng} = 175.728.906 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền là 325.728.890 đồng.

2. Phần yêu cầu bồi thường hại đối với nhà hàng:

- Thay đổi yêu cầu bồi thường căn nhà cấp 4 diện tích là 375m², với số tiền là 356.250.000 đồng bao gồm: Chi phí gia công khung thép mái tôn, vật liệu xây dựng tường rào, nền xi măng và chi phí nhân công.

- Bồi thường thiệt hại hư hỏng, mất không thu hồi được toàn bộ nhà hàng gồm: Ly, tách, chén, bát, ghế bàn, quạt, camera, máy tính.... là 120.000.000 đồng.

- Bồi thường tiền trả chi phí 08 tháng thuê mặt bằng làm nhà hàng mà Công ty N đã thuê 125m² đất của ông Lê Cảnh H là 24.000.000 đồng.

Tổng số tiền là 500.250.000 đồng.

- Rút yêu cầu bồi thường:

+ Lương nhân viên các khoản x 2 tháng = 212.000.000 đồng.

+ Nhà hàng bị thất thu sau khi trừ đi các khoản chi phí: 300.000.000/tháng x 6 tháng = 1.800.000.000 đồng.

+ Kho hàng bị san bằng và bị phá hoại tài sản: 600.000.000 đồng.

Tổng số tiền yêu cầu nhà hàng C và khách sạn C là 825.978.000đ.

Bị đơn ông Phan Minh C và bà Nguyễn Thị Thu N trình bày:

Ngày 07/07/2016, bà Lê Thị M đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Phan Minh C, bà Nguyễn Thị Thu N và bà Nguyễn Thị Kim Y đối với thửa đất số lô (14+15) B2.2 đường N, Đà Nẵng có công chứng tại Văn phòng công chứng S thành phố Đà Nẵng.

Ngày 30/3/2017, giữa vợ chồng ông bà và bà Y đã có sự phân chia quyền sử dụng đối với lô đất số 14+15. Trong đó vợ chồng ông bà được nhận lô số 14 còn bà Y nhận lô số 15, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00466 ngày 11/02/2011 phân thay đổi ghi ngày 30/3/2017. Do đó, lô đất số 14 B2.2 đường N thuộc quyền sở hữu của ông C.

Ngày 05/5/2017, ông T đã đồng ý để ông C tháo dỡ phần nhà hàng được xây dựng trên đất ông C với diện tích 125m². Ông C đã tháo dỡ xong. Tuy nhiên, sau đó ông C về quê, ông T đã tự ý dựng lại phần nhà hàng đã tháo dỡ.

Ông C đã nhiều lần trực tiếp thông báo cho ông T bằng miệng, điện thoại, gửi văn bản nhiều lần đưa trực tiếp cho ông T và vợ ông T. Ông C tiếp tục gửi thông báo bằng văn bản qua bưu điện 2 lần cho ông T với yêu cầu tháo dỡ tất cả những tài sản trên đất và trả lại đất cho ông C lô 14B2.2.

Ông C đã gửi văn bản yêu cầu ông T tháo dỡ trả lại đất cho ông C đến các cơ quan chức năng trên địa bàn gồm: Công an phường X, Ủy ban nhân dân phường X, Ủy ban nhân dân quận T để các cơ quan chức năng biết và theo dõi.

Lần cuối cùng ông C gửi cho ông T văn bản yêu cầu tháo dỡ trả lại đất vào ngày 09/6/2017 (qua đường bưu điện). Ngày 22/6/2017, ông C tiến hành rào chắn lại phần đất hợp pháp và ông không tháo dỡ hay đập phá tài sản gì của ông Hồ Văn T, ông C chỉ khiêng bàn ghế trên đất của ông sang trả cho ông T trên đất ông T thuê

người khác. Ngay lúc đó, ông T có mời công an phường X xuống lập biên bản, có chứng kiến của công an phường không hề đập phá tài sản hay làm ảnh hưởng gì đến việc mua bán của ông T.

Vào khoảng tháng 10/2017, ông T làm đơn tố cáo ông C đến công an quận T vụ không ông hủy hoại tài sản của ông T. Sau đó, công an quận T đã tiến hành điều tra sự việc và xác minh không có đập phá, hủy hoại tài sản. Vụ việc này, cơ quan điều tra đã không khởi tố vụ án.

Sau khi được cấp phép xây dựng, hoàn tất việc nộp thuế để xây dựng, vào ngày 03/8/2017, ông C tiến hành tháo dỡ ngôi nhà tiền chế trên đất hợp pháp của mình để xây dựng nhà. Trong lúc tháo dỡ ông T và gia đình ông có mặt ở đó nhưng không hề có ý kiến hay phản đối gì, cũng không mời chính quyền địa phương đến để phản đối. Ông C cho rằng ông T đồng ý cho tháo dỡ nhà tiền chế của mình trên đất hợp pháp của mình.

Khi ông tiến hành xây dựng nhà khoảng 01 tháng, ông T đã tự nghỉ kinh doanh nhà hàng trên phần đất của ông đã thuê, ông C không hề có hành vi không cho ông T mua bán, kinh doanh.

Về việc xây dựng làm nghiêng móng, nứt tường khách sạn C là điều hoàn toàn vu khống, bịa đặt. Nhà ông chỉ xây dựng móng bằng đào sâu chỉ có 02m còn móng khách sạn C bằng cọc nhồi sâu tới 20 - 30 mét thì không thể làm ảnh hưởng nghiêng móng nhà ông T. Trong khi đó, ông C ký hợp đồng với ông Võ Văn K để ông K xây dựng nhà. Trong hợp đồng, ông K có ghi trong quá trình thi công phải có trách nhiệm đảm bảo an toàn không ảnh hưởng đến các công trình và nhà lân cận, nếu có ảnh hưởng gì thì ông K chịu trách nhiệm (Điều 3 Trách nhiệm của bên B theo hợp đồng kinh tế ngày 26/7/2017).

Ngôi nhà số 567 đường N không phải của ông T, ông xây dựng cũng không làm ảnh hưởng đến ngôi nhà đó nhưng ông T đã đánh lừa cơ quan chức năng, mạo nhận đó là ngôi nhà của mình, vu khống chứng cứ để khởi kiện. Nội dung Công ty N do ông T làm đại diện khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông C, bà N bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do có hành vi tháo dỡ, đập phá tài sản của Công ty N là hoàn toàn không có. Việc vợ chồng ông C, bà N đã xây dựng nhà là có giấy phép, còn hợp đồng thuê đất của ông T đã hết hạn và ông C, bà N đã có văn bản yêu cầu ông giao trả mặt bằng nhưng ông T vẫn không giao trả. Vì vậy, khi hết hạn thông báo vợ chồng ông không làm gì ảnh hưởng đến nhà, công việc kinh doanh và đập phá tài sản của Công ty N. Do đó vợ chồng ông không trách nhiệm gì phải bồi thường thiệt hại cho Công ty N.

Đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH thương mại và dịch vụ N trình bày:

Ngày 09 tháng 5 năm 2011 Công ty TNHH thương mại và dịch vụ N có ký hợp đồng với bà Lê Thị M thuê 02 lô đất liền kề, tại địa chỉ: Lô 14, 15 B2.2 đường

N, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng để mở nhà hàng dịch vụ ăn uống tên B; thời hạn thuê là 05 năm kể từ ngày 04 tháng 4 năm 2011 đến ngày 04 tháng 4 năm 2016. Tuy nhiên việc kinh doanh không hiệu quả và hợp đồng thuê đất đã hết thời hạn nên Công ty đã trả lại đất cho bà Lê Thị M, còn vật kiến trúc xây dựng trên đất Công ty đã sang nhượng lại hoàn toàn cho Công ty TNHH thương mại và dịch vụ N với số tiền là 150.000.000đ (hợp đồng ngày 17 tháng 6 năm 2014), hai bên đã bàn giao tài sản và đã nhận tiền, còn việc tiếp tục thuê lại lô đất trên thì Công ty N tiếp tục liên hệ với bà Lê Thị M, công ty ngôi nhà T không còn trách nhiệm gì đối với tài sản trên đất trên. Do đó, quan hệ pháp luật là Hợp đồng thuê đất và hợp đồng sang nhượng vật kiến trúc trên đất đã chấm dứt, không còn liên quan gì nữa. Việc bà Lê Thị M chuyển nhượng đất cho ai là quyền của bà M, Công ty Ngôi nhà T không biết. Nay Công ty xét thấy mình không có liên quan gì trong vụ án này và xin được vắng mặt các phiên tòa xét xử vụ án trên.

Bà Nguyễn Thị Thu T là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV D trình bày:

Khách sạn C tại địa chỉ Lô 13 B2.2 đường N, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty TNHH MTV D cho Công ty TNHH Thương mại dịch vụ du lịch N thuê theo hợp đồng thuê khách sạn ngày 12/7/2013 (hợp đồng có công chứng chứng thực).

Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa công ty TNHH MTV D (bên chuyển nhượng) và Công ty TNHH Thương mại dịch vụ du lịch N (bên nhận chuyển nhượng) ngày 31/07/2014 về quyền sử dụng đất (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 678054 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 11/07/2013) và công trình xây dựng là khách sạn với giá trị chuyển nhượng 12.000.000.000đ, có kèm phương thức thanh toán trả góp trong 10 năm.

Ngày 16/03/2018, Công ty D (bên A), công ty N (bên B), ông Nguyễn Phước T và bà Lê Thị H (bên C) phụ lục thỏa thuận bên C nhận chuyển nhượng lại khách sạn C với giá trị chuyển nhượng 13 tỷ đồng và có nghĩa vụ thanh toán cho bên B số tiền 4.5 tỷ vào ngày 20/03/2018 và bên A số tiền 8.5 tỷ trong vòng 60 ngày.

Vào ngày 16/03/2018, Công ty D lấy lại khách sạn để chuyển nhượng cho ông T và bà H thì tình trạng khách sạn chỉ xuống cấp theo thời gian, đã cũ hơn với trước, không có gì hư hỏng và cũng không có sửa chữa gì mới. Tính thời điểm ngày 16/03/2018, khách sạn C vẫn thuộc quyền sở hữu của Công ty D vì khi thực hiện hợp đồng chuyển nhượng ngày 31/07/2014 Công ty N chưa thực hiện xong nghĩa vụ tài chính. Công ty không yêu cầu ông C bồi thường tiền sửa chữa khách sạn. Việc công ty N có yêu cầu ông C bồi thường thiệt hại là do khách sạn bị hư hỏng và thất thu không liên quan đến công ty D.

Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mà trước đây công ty D ký với công ty N thì các bên đã hủy bỏ hợp đồng vào ngày 20/03/2018 tại phòng Công chứng số 1 Đà Nẵng.

Ông Võ Văn K là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần xây dựng Đ trình bày:

Ngày 26/7/2017, Công ty Cổ phần xây dựng Đ có ký kết với ông Phan Minh C hợp đồng kinh tế về việc xây dựng công trình nhà ở tại địa chỉ 569 đường N.

Quá trình thi công công trình về phía công ty đã thực hiện xây dựng đảm bảo việc xây dựng an toàn, đúng kỹ thuật thi công không làm ảnh hưởng đến các công trình nhà ở nên không có bất cứ tranh chấp hay khiếu kiện trong thời gian công ty thi công.

Đối với yêu cầu của Công ty N với vợ chồng ông C, bà N ông không có liên quan.

Quyết định của bản án sơ thẩm:

Áp dụng Điều 584, 585 và 589 Bộ luật Dân sự; Điều 224 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Phạm Minh C và bà Nguyễn Thị Thu N bồi thường cho Công ty TNHH TM và DV N số tiền 120.250.000đ (một trăm hai mươi triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH TM và DV N về việc yêu cầu ông Phạm Minh C và bà Nguyễn Thị Thu N bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 705.728.000 đồng (Bảy trăm lẻ năm triệu, bảy trăm hai mươi tám ngàn đồng), (trong đó: Đối với khách sạn C: 150.000.000đ tiền tự sửa chữa lại khách sạn C như tô tường, cân móng và sửa chữa lại nội thất 12 phòng và 175.728.906đ thiệt hại cho tổn thất khách sạn dừng hoạt động kinh doanh 2 tháng để thi công sửa chữa phần hư hỏng, tổng số tiền là 325.728.900đ. Đối với nhà hàng C: 236.000.000 tiền thiệt hại do tự ý tháo dỡ nhà hàng; 120.000.000đ do thiệt hại đập phá hư hỏng thiệt bị máy móc, bàn ghế, tủ lạnh, chén bát... và 24.000.000đ tiền thuê đất tại địa chỉ: Lô 14 B2.2, đường N, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng, tổng số tiền là 380.000.000đ).

3. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với các yêu cầu bồi thường thiệt hại sau: Thiệt hại khách sạn C bị đóng cửa làm mất thu nhập 12 phòng không kinh doanh được với tổng số tiền là 702.000.000đ; thiệt hại tiền lương nhân viên các khoản x 2 tháng = 212.000.000đ; Thiệt hại do nhà hàng C bị thất thu sau khi trừ do kho hàng bị san bằng và bị phá hoại tài sản: 600.000.000 đồng của Công ty TNHH và DV N đối với ông Phạm Minh C và bà Nguyễn Thị Thu N.

4. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Minh C và bà Nguyễn Thị Thu N phải chịu là 6.012.500đ (sáu triệu, không trăm mười hai ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty TNHH TM và DV N phải chịu 32.229.000đ (ba mươi hai triệu, hai trăm hai mươi chín ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí nộp là 56.310.000đ theo biên lai thu số: 007920 ngày 25 tháng 12 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH TM và DV N tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 24.081.000đ (hai mươi bốn triệu không trăm tám mươi một ngàn đồng).

- Chi phí giám định: Ông Phạm Minh C và bà Nguyễn Thị Thu N phải chịu 20.000.000đ. Số tiền trên Công ty TNHH TM và DV N đã nộp cho công ty TNHH Giám định C. Do đó buộc ông Phạm Minh C và bà Nguyễn Thị Thu N có nghĩa vụ thối trả lại cho Công ty TNHH TM và DV N.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 22/11/2018, Công ty TNHH thương mại dịch vụ du lịch N kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm 43/2018/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận T, TP Đà Nẵng, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét buộc vợ chồng ông C, bà N phải bồi thường thiệt hại do hư hỏng, mất mát không thu hồi được của toàn bộ tài sản của nhà hàng gồm: bàn ghế, ly, chén, quạt, bát, camera, máy tính, toàn bộ phần trang trí nhà hàng, hệ thống điện nước, hệ thống vệ sinh..... là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng chẵn); bồi thường phần tiền đã trả cho việc thuê đất của ông Lê Cảnh H trong 08 tháng khi thuê 125m² đất là: 24.000.000 (hai mươi bốn triệu đồng chẵn).

- Ngày 14/11/2018, ông Phan Minh C và bà Nguyễn Thị Thu N kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2018/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận T, TP Đà Nẵng, đề nghị Tòa án xem xét làm rõ việc có hư hỏng tài sản hay không vì ông chỉ tháo dỡ nhà tiền chế trên phần đất của vợ chồng ông bà, trong trường hợp nếu vợ chồng ông có tháo dỡ không đúng thì cũng chỉ chịu 1/3 chi phí giám định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH một thành viên D, Công ty TNHH dịch vụ Ngõ nhà T, Công ty cổ phần xây dựng Đ và người làm chứng ông Trần Công L, ông Võ Văn K đã được triệu tập hợp lệ hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm kiểm tra căn cước của đương sự không kỹ nên dẫn đến ghi sai họ của bị đơn, xét thấy đây là sai sót của Tòa án cấp sơ thẩm nên cần rút kinh nghiệm. Tại phiên tòa phúc thẩm cả nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị HĐXX điều chỉnh lại họ của bị đơn ông Phạm Minh C thành Phan Minh C cho đúng. Xét thấy đề nghị nêu trên của nguyên đơn và bị đơn là chính đáng nên HĐXX chấp nhận.

Về nội dung:

[3] Theo Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc vợ chồng ông Phan Minh C phải bồi thường thiệt hại khách sạn C và nhà hàng C với tổng số tiền 4.620.000.000 đồng. Tuy nhiên đến ngày ngày 07 tháng 9 năm 2018 và tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty N rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại khách sạn là 325.728.890đ, yêu cầu bồi thường thiệt hại nhà hàng 500.250.000đ, tổng cộng yêu cầu bồi thường số tiền 825.978.000đ. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với phần rút yêu cầu; còn phần yêu cầu bồi thường Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận buộc ông Phan Minh C và bà Nguyễn Thị Thu N bồi thường đối với phần thiệt hại nhà hàng C 120.250.000đ; không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 705.728.000đ (trong đó đối với khách sạn C 325.728.890đ; đối với nhà hàng C là 380.000.000đ).

[6] Sau khi xử sơ thẩm, Công ty TNHH thương mại dịch vụ du lịch N kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, công ty kháng cáo đối với số tiền 120.000.000đ về thiệt hại đập phá hư hỏng thiết bị máy móc, bàn ghế, tủ lạnh, chén bát...và số tiền 24.000.000đ thuê đất tại lô 16B2.2 đường N. Bị đơn ông Phan Minh C và bà Nguyễn Thị Thu N kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị Tòa án xem xét làm rõ việc có hư hỏng tài sản hay không vì ông chỉ tháo dỡ nhà tiền chế trên phần đất của vợ chồng ông bà, trong trường hợp nếu vợ chồng ông có tháo dỡ không đúng thì cũng chỉ chịu 1/3 chi phí giám định.

[7] Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện theo pháp luật của Công ty N và ông C thỏa thuận giải quyết về các nội dung kháng cáo của vụ án như sau: Ông Phan Minh C và bà Trần Thị Thu N có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty N số tiền 100.000.000đ (hai bên đã giao nhận tiền xong tại phiên tòa). Về chi phí giám định hai bên thỏa thuận mỗi bên chịu 10.000.000đ, nhưng Công ty N đã nộp

tạm ứng và đã chi cho Công ty TNHH Giám định C, do vậy ông C bà N có nghĩa vụ hoàn trả cho công ty N 10.000.000đ.

[8] HĐXX xét thấy việc thỏa thuận nêu trên của các đương sự tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn tự nguyện và không trái với quy định của pháp luật nên HĐXX công nhận, đồng thời sửa án sơ thẩm theo hướng trên.

[9] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm các đương sự không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cụ thể Công ty N phải chịu là 25.659.120 đồng; ông C bà N phải chịu là 5.000.000 đồng.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nên các đương sự kháng cáo là Công ty N phải chịu 300.000đ và ông C, bà N phải chịu là 300.000đ theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 148, Điều 161, Điều 300 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 26, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

II. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 43/2018/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận T như sau:

1. Ông Phan Minh C và bà Nguyễn Thị Thu N có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ du lịch N số tiền 100.000.000 đồng (hai bên đã giao nhận tiền xong tại phiên tòa).

2. Về chi phí giám định:

Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ du lịch N chịu 10.000.000 đồng; ông Phan Minh C và bà Nguyễn Thị Thu N chịu 10.000.000 đồng. Do Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ du lịch N đã nộp tạm ứng 20.000.000đ để chi cho Công ty TNHH Giám định C. Do đó ông Phan Minh C và bà Nguyễn Thị Thu N có nghĩa vụ trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ du lịch N số tiền 10.000.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ du lịch N phải chịu là 25.659.120 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.310.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 007920 ngày 25/12/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận T. Vậy hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ du lịch N số tiền 30.650.880 đồng.

Ông Phan Minh C và bà Nguyễn Thị Thu N phải chịu là 5.000.000 đồng.

III. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ du lịch N phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004328 ngày 26/11/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận T.

Ông Phan Minh C và bà Nguyễn Thị Thu N phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004325 ngày 15/11/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận T, thành phố Đà Nẵng.

IV. Các phần Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực thi hành.

V. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- TAND Q. Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Phi Yến